

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN TUY PHONG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH BÌNH THUẬN

Bản án số: 57/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 07/8/2024 v/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tấn Sinh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hà

Bà Thái Thị Dung

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đắc Quốc Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 193/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024 về việc: "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2024/QĐHPT - HNGĐ, ngày 19 tháng 7 năm 2024; giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà **Trần Thị X**, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận. (Có mặt).

2/ Bị đơn: Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị X trình bày: Bà và ông Trần Văn T tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2007, vì chưa đủ tuổi kết hôn nên đến năm 2009 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn, số 146, ngày 01/2009. Cuộc sống chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân không có hạnh phúc nguyên nhân ông T thường xuyên đánh đập tôi, đánh rất dã man; vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2014 cho đến nay không còn ai quan tâm đến ai.

Khi làm đơn ly hôn với ông Trần Văn T tại Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tôi có liên hệ với ông Trần Văn T đến giải quyết nhưng ông T cố tình lẩn tránh không chịu đến Tòa án làm việc.

Nay cảm thấy vợ chồng không còn tình cảm, níu kéo cũng không có hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn T chứ bà không đồng ý trở về đoàn tụ.

- Về con chung: Ông, bà có 02 con chung tên Trần Văn T1, sinh ngày 03/6/2007 và Trần Hoàng A, sinh ngày 08/4/2011; hiện nay cháu Trần Văn T1 đang chấp hành án về tội giết người tại Trại giam S còn cháu Trần Hoàng A đang ở với ông Trần Văn T nên nguyện vọng của bà X xin tiếp tục giao cháu Trần Hoàng A cho ông T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành; bà không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: bà X khai: trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng không có tạo lập tài sản chung và không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Trần Văn T: Theo biên bản xác minh tại Ban C, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận thì ông Trần Văn T có hộ khẩu thường trú tại khu phố M, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của ông Trần Văn T theo đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật đã quy định nhưng ông T vẫn cố tình vắng mặt cũng như không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến kiểm sát về việc tuân theo pháp luật:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc tuân theo pháp luật của thư ký phiên tòa: thư ký đã tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 237 và Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án:

Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Trần Thị X đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Trần Văn T không thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của người tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về hôn nhân: Đề nghị tuyên xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Trần Thị X ly hôn với ông Trần Văn T.

Về con chung: Ông, bà có 02 con chung tên Trần Văn T1, sinh ngày 03/6/2007 và Trần Hoàng A, sinh ngày 08/4/2011; hiện nay cháu Trần Văn T1 đang chấp hành án về tội giết người tại Trại giam S còn cháu Trần Hoàng A đang ở với ông Trần Văn T nên tiếp tục giao cháu Trần Hoàng A cho ông T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành. Bà X không cấp dưỡng cho ông T nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Thị X phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị X khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn T, do đó đây là vụ án “Tranh chấp về ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Trần Văn T có nơi cư trú tại khu phố M, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Trần Thị X thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa ông Trần Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt ông T2 theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Theo lời trình bày của nguyên đơn cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì bà Trần Thị X và ông Trần Văn T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn, số 146, ngày 01/2009 nên hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp.

Bà X trình bày, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nguyên nhân do ông T thường xuyên đánh đập bà, đánh rất dã man; vợ chồng bà đã sống ly thân từ cuối năm 2014 cho đến nay không còn ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng ông Trần Văn T không chấp hành, điều này chứng tỏ ông Trần Văn T không có thiện chí và không có mong muốn hàn gắn tình cảm với bà X. Quá trình xác minh tại địa phương đều xác định bà X và ông T đã sống ly thân từ cuối năm 2014 đến nay không còn ai quan tâm đến ai.

Nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà X và ông T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, để đảm bảo quyền lợi của các đương sự và để ổn định cuộc sống cho các bên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị X.

[3] Về con chung: Ông, bà có 02 con chung tên Trần Văn T1, sinh ngày 03/6/2007 và Trần Hoàng A, sinh ngày 08/4/2011; hiện nay cháu Trần Văn T1 đang chấp hành án về tội giết người tại Trại giam S nên Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề này còn cháu Trần Hoàng A đang ở với ông Trần Văn T. Vì vậy, để tránh xáo trộn cuộc sống của cháu Trần Hoàng A nên Hội đồng xét xử sẽ giao con chung tên Trần Hoàng A cho ông Trần Văn T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành. Bà Trần Thị X không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà Trần Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết quan hệ này.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí: căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án thì bà Trần Thị X là người có yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị X đối với ông Trần Văn T. Bà Trần Thị X được ly hôn với ông Trần Văn T.

Về con chung: Ông, bà có 02 con chung tên Trần Văn T1, sinh ngày 03/6/2007 và Trần Hoàng A, sinh ngày 08/4/2011. Giao con chung tên Trần Hoàng A cho ông Trần Văn T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành. Bà Trần Thị X không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/Về án phí: Bà Trần Thị X phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn. Bà X đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu số 0006781 ngày 02/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, bà X đã nộp đủ án phí.

4/ Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 07/8/2024). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND (tỉnh+huyện);
- Tòa án tỉnh;
- Các đương sự;
- THA huyện;
- UBND thị trấn Phan Rí Cửa;
- Lưu HS.

Võ Tấn Sinh